

ỨNG DỤNG MOODLE TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nhận bài:

07 – 09 – 2016

Chấp nhận đăng:

27 – 12 – 2016

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Thị Ngọc Hà

Tóm tắt: Moodle là hệ thống quản lý học tập mã nguồn mở cho phép tạo ra các khóa học trên mạng hay các website học tập trực tuyến. Được đánh giá là thiết kế hướng đến giáo dục và dành cho những người làm giáo dục, Moodle ngày càng khẳng định sức mạnh của mình bởi các giá trị mà nó mang lại cũng như nhu cầu tất yếu của cộng đồng học tập. Bài viết này trình bày kết quả khảo sát ý kiến của người dạy và người học tại Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng về thực trạng sử dụng Moodle trong giảng dạy và học tập môn tiếng Pháp tổng hợp, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Moodle trong giảng dạy tiếng Pháp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ.

Từ khóa: Moodle; học tập điện tử; học tập kết hợp; tiếng Pháp; ngoại ngữ; đào tạo

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, không thể phủ nhận được vai trò và tầm quan trọng của học tập điện tử (e-learning) trong giáo dục đại học. Công nghệ đào tạo trực tuyến của học tập điện tử mở ra những khả năng tương tác tối đa giữa người học và người dạy. Thành phần quan trọng bậc nhất của học tập điện tử là hệ thống quản trị, nhưng để phát triển một trang web với đầy đủ chức năng cơ bản của một hệ thống quản trị sao cho vận hành ổn định, an toàn, lại tốn quá nhiều thời gian và tiền bạc nên chưa phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Vì vậy, việc lựa chọn sử dụng phần mềm mã nguồn mở có sẵn như Moodle đã giúp rất nhiều trường đại học, cao đẳng, các trường phổ thông tại Việt Nam có được những thành quả đáng khích lệ.

Việc ứng dụng Moodle trong dạy và học tiếng Pháp tại Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng tuy chỉ mới được triển khai trong những năm gần đây nhưng đã thu hút được sự quan tâm và

tham gia của đông đảo giảng viên và sinh viên trong Khoa. Tại đây, hệ thống Moodle được khai thác chủ yếu theo hình thức học tập kết hợp (blended learning), nghĩa là kết hợp phương thức học tập điện tử với phương thức dạy - học truyền thống và bước đầu ghi nhận được những tín hiệu rất khả quan như: hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy, tạo hứng thú cho người học, phát huy tính tự chủ của người học trong hoạt động học tập...

Tuy nhiên để đánh giá một cách khách quan về những ưu điểm cũng như những tồn tại mà hệ thống quản lý học tập Moodle đem lại đối với việc dạy và học ngoại ngữ nói chung, tiếng Pháp nói riêng cần có một nghiên cứu tổng thể về tác động của Moodle lên các đối tượng như: người dạy, người học, chương trình đào tạo...

Đứng trước những vấn đề đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của 06 giảng viên và 95 sinh viên đang tham gia giảng dạy và học tập môn tiếng Pháp tổng hợp tại Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng về thực trạng của việc ứng dụng Moodle trong đào tạo ngoại ngữ.

Nghiên cứu này được thực hiện với các phương pháp nghiên cứu sau:

* Liên hệ tác giả

Lê Thị Ngọc Hà

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Email: lethingocha1980@gmail.com

– Thu thập dữ liệu: Sử dụng phiếu hỏi khảo sát người dạy và người học tại Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng để tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của người dạy và người học, đồng thời đánh giá mức độ hiệu quả của việc ứng dụng Moodle trong dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp.

– Phân tích và so sánh dữ liệu: Các thông tin được tổng hợp, so sánh và phân tích theo các mục khác nhau.

– Tổng hợp dữ liệu và phân tích kết quả: Tổng hợp các dữ liệu để phân tích và đánh giá thực trạng sử dụng Moodle trong dạy và học tiếng Pháp tổng hợp, nhận định những thuận lợi và khó khăn đối với người dạy và người học, từ đó đưa ra các đề xuất góp ý nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng Moodle trong dạy học tiếng Pháp nói riêng và ngoại ngữ nói chung.

2. Hệ thống quản lý học tập Moodle và khả năng ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam

Moodle là một hệ thống quản lý học tập (Learning Management System) hay còn được gọi là hệ thống quản lý học tập các khóa học (Course Management System) hoặc môi trường học ảo (Virtual Learning Environment), là phần mềm mã nguồn mở/ miễn phí, cho phép tạo các khóa học trên mạng Internet hay các website học tập trực tuyến [6].

Từ khi ra đời cho đến nay, Moodle đã phát triển vượt bậc, thu hút sự quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Theo một thống kê trên trang *Moodle.org* [6] (tính đến cuối tháng 11/2016) có tới 74,142 website ở 232 quốc gia trên thế giới sử dụng Moodle và hệ thống này cũng đã được dịch ra hơn 120 ngôn ngữ khác nhau. Trên thế giới hiện có 96,065,535 người đã đăng ký tham gia cộng đồng Moodle với số khóa học lên đến 11,136,632.

Đánh giá về khả năng ứng dụng Moodle trong giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam, Đinh Lư Giang [3, tr.689] cho rằng phần mềm này có nhiều điểm ưu việt. Cụ thể, Moodle được xây dựng trên nền tảng lý thuyết giáo dục pháp hiện đại, phù hợp với khuynh hướng giáo dục thế kỷ 21, đặc biệt phù hợp với giáo dục Việt Nam vốn đang hướng tới phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm.

Hơn nữa, Moodle với các tính năng như kiểm tra chuyên cần, báo cáo hoạt động của người học, quản lý

điểm số... rất phù hợp với tình hình đào tạo ngoại ngữ hiện nay tại Việt Nam. Một ưu điểm khác của Moodle không thể không nhắc đến là Moodle có tính tùy biến và đa dụng. Moodle cho phép triển khai nhiều mô hình học tập: từ hoàn toàn trực tuyến, học tập kết hợp đến vai trò phụ trợ. Điều này là cực kỳ cần thiết đối với các lớp thực hành ngoại ngữ.

Bên cạnh đó, Moodle đóng vai trò không những là hệ thống cung cấp tài liệu học tập, tài liệu tra cứu, mà còn là hệ thống các kiểu lớp học khác nhau (định dạng theo chủ đề, theo hoạt động nhóm, theo dự án...) cho đến trang diễn đàn, tin tức, blog...

3. Thực trạng ứng dụng Moodle trong dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng Moodle trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng đã được triển khai và thực hiện ở tất cả các khoa ngoại ngữ và chuyên ngành của trường. Tại Khoa Tiếng Pháp, để khai thác một cách hiệu quả hệ thống quản lý học tập này, Khoa đã tiến hành các bước sau:

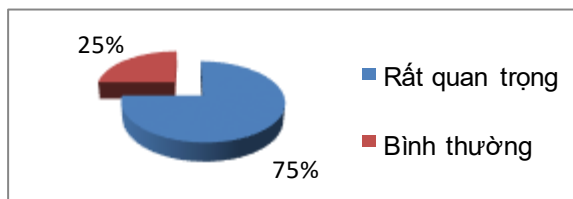
– Cử một giảng viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu, kiêm thêm vai trò quản trị viên (admin) phụ trách kỹ thuật trang đào tạo trực tuyến của Khoa. Công việc chính của quản trị viên là hỗ trợ các giảng viên xây dựng khóa học trực tuyến, tạo tài khoản cho người sử dụng, xử lý các sự cố kỹ thuật...

– Cử các giảng viên trong Khoa tham gia các lớp tập huấn về giảng dạy trực tuyến do các tổ chức Pháp ngữ (CREFAP, AUF...), Trường Đại học Ngoại ngữ hoặc Khoa Tiếng Pháp tổ chức.

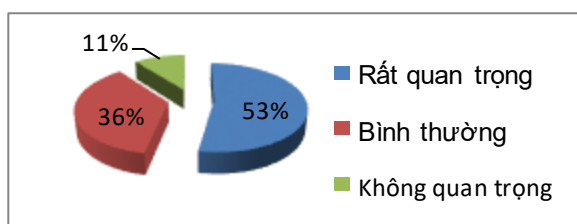
– Xây dựng kế hoạch, nội dung học tập và chính sách kiểm tra đánh giá đối với các môn học có sử dụng Moodle.

Bắt đầu từ học kỳ I năm học 2015-2016, Khoa Tiếng Pháp đã quyết định triển khai đồng bộ việc sử dụng Moodle trong dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp cho tất cả các lớp năm nhất. Tại đây, hệ thống Moodle được thực hiện theo hình thức học tập kết hợp, nghĩa là sinh viên học trên lớp và làm bài tập trên mạng. Phần bài tập trực tuyến bám sát với chương trình học tại lớp và bao gồm các nội dung chính sau: nghe hiểu, ngữ pháp, từ vựng. Kết quả đánh giá các bài tập này sẽ được tính vào kết quả học tập cuối kỳ.

Sau hơn một năm triển khai và thực hiện, việc ứng dụng Moodle đã có một số tác động tích cực đến hoạt động dạy và học tại Khoa Tiếng Pháp. Phần lớn người dạy (75%) và người học (53%) đều đánh giá cao vai trò của Moodle trong việc dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp.



Biểu đồ 1. Ý kiến của giáo viên về vai trò của Moodle trong việc dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp



Biểu đồ 2. Ý kiến của sinh viên về vai trò của Moodle trong việc dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp

Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát ý kiến và phỏng vấn trực tiếp, chúng tôi thấy rằng bên cạnh những thuận lợi là không ít khó khăn đối với cả người dạy và người học trong việc thích nghi với hình thức học tập điện tử này.

3.1. Thuận lợi

3.1.1. Người dạy

Theo ý kiến của giáo viên, việc sử dụng Moodle trong dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp đem lại những thuận lợi sau:

Tất cả các giáo viên đều cho rằng thuận lợi lớn nhất của việc ứng dụng Moodle trong dạy và học môn tiếng Pháp tổng hợp đó là giảm tải nội dung học tập trên lớp. Nhờ đó, sinh viên có nhiều thời gian hơn trên lớp để thảo luận, đặt câu hỏi với giáo viên, cũng như luyện tập các kỹ năng thực hành tiếng (nghe, nói).

Thuận lợi tiếp theo cũng là ưu điểm của học tập điện tử đó là phát huy tính tự chủ của sinh viên. Thực vậy, Moodle làm biến đổi cách học cũng như vai trò của người học: người học đóng vai trò trung tâm và chủ động của quá trình đào tạo, có thể học mọi lúc, mọi nơi nhờ có phương tiện trợ giúp việc học. Hơn nữa, người

học có thể học theo thời gian biểu cá nhân, với nhịp độ tùy theo khả năng và có thể chọn các nội dung học.

T	Thuận lợi	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Giảm tải nội dung giảng dạy trên lớp	6	100%
2	Phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên	5	83.3%
3	Giáo viên theo dõi được quá trình tự học của sinh viên nhờ vào các công cụ đánh giá trên Moodle	4	66.6%
4	Giáo viên có thể thiết kế các bài tập với hình ảnh minh họa và âm thanh sinh động, tạo hứng thú học tập cho sinh viên	3	50%
5	Sử dụng thành thạo vi tính và Internet	3	50%

Những ưu điểm khác của hệ thống quản lý Moodle cũng được giáo viên đánh giá cao như: có thể soạn các bài tập hấp dẫn với hình ảnh, âm thanh sinh động từ đó tạo hứng thú học tập môn tiếng Pháp tổng hợp cho sinh viên hoặc có thể theo dõi quá trình tự học của sinh viên thông qua báo cáo điểm số.

Một thuận lợi nữa không thể không nhắc đến khi ứng dụng Moodle trong giảng dạy, đó là giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và Internet. Nhờ đó, giáo viên có động lực hơn trong việc đăng ký tham gia các lớp học bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

3.1.2. Người học

Về phía người học, sinh viên tham gia học môn tiếng Pháp tổng hợp trên Moodle có những thuận lợi sau:

Hầu hết sinh viên cho rằng thuận lợi đầu tiên khi tham gia học trên Moodle là được cộng điểm vào kết quả học tập cuối kỳ. Rõ ràng, dù học tập dưới hình thức nào (trên lớp, trên mạng) người học vẫn xem điểm số là động cơ học tập chính.

Khác với môi trường học tập truyền thống, thay vì người học phải tham gia học tập tại các lớp học của trường, sinh viên học trực tuyến luôn linh hoạt học tập mọi lúc mọi nơi. Họ có thể làm bài tập ở nhà, ở quán cà

phê hay ở bất kỳ nơi đâu miễn có kết nối Internet. Tất cả đều không bị gián đoạn bởi thời gian và không gian.

TT	Thuận lợi	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Được cộng điểm vào kết quả học tập cuối kỳ	77	81%
2	Tạo hứng thú học tập	75	78.9%
3	Nội dung các bài tập hấp dẫn, thú vị	74	77.9%
4	Củng cố và nâng cao kiến thức đã học trên lớp	71	74.7%
5	Có thể luyện tập kỹ năng nghe	50	52.6%
6	Phát huy khả năng tự học	48	50.5%
7	Có thể chủ động và điều chỉnh thời gian và địa điểm học tập	43	45.2%
8	Theo dõi được kết quả học tập	35	36.8%
9	Sử dụng thành thạo Internet và máy tính	19	20%

Hơn nữa, thông qua các công cụ chức năng trong hệ thống quản lý học trực tuyến của Moodle, sinh viên có thể dễ dàng nắm được tiến trình học tập của mình, qua đó có thể chủ động học tập, nghiên cứu nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu của họ.

Mặt khác, thông qua chức năng biểu đồ báo cáo thành tích học tập, người học có thể biết trình độ, kiến thức mình đang ở mức độ nào. Trên cơ sở các thông tin trung thực đó từ hệ thống Moodle, người học sẽ có những điều chỉnh cách học cũng như thái độ học tập để nâng cao thành tích.

Ngoài ra, các bài tập với hình ảnh minh họa đẹp, âm thanh sinh động, các ứng dụng công nghệ hiện đại là những điểm khiến sinh viên có hứng thú với học tập điện tử.

Đối với những sinh viên trước đây không có điều kiện tiếp cận công nghệ thì việc ứng dụng Moodle vào trong đào tạo đã góp phần đáng kể trong việc thực hành và nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính, nhờ đó rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ thông tin giữa người học với nhau.

3.2. Khó khăn

3.2.1. Người dạy

Tâm lý người dạy vốn đã quen với các lớp học truyền thống, với hình thức dạy học *mặt giáp mặt* là nguyên nhân chính dẫn đến các khó khăn như sau:

TT	Khó khăn	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Không đánh giá được thực chất khả năng học tập của người học	5	83.3%
2	Lúng túng trong việc xác định vai trò, trách nhiệm của giáo viên trong học tập điện tử	5	83.3%
3	Việc soạn bài và đưa bài lên mạng làm giáo viên mất nhiều thời gian	4	66.6%

Thứ nhất, giáo viên cảm thấy không đánh giá được thực chất khả năng học tập của người học. Cụ thể, 83.3% giáo viên cho rằng kết quả học tập trên mạng chưa phản ánh đúng trình độ của tất cả sinh viên. Chẳng hạn, có những sinh viên đạt điểm cao trên mạng nhưng lại bị điểm thấp trong các bài kiểm tra trên lớp hoặc bài thi. Có thể lý giải nguyên nhân của hiện tượng này là do hình thức cộng điểm khuyến khích (điểm bài tập trực tuyến được cộng vào điểm học tập cuối kỳ) vô hình trung tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trong học tập, dẫn đến một số trường hợp sinh viên có thể nhờ người khác làm bài hộ.

Thứ hai, 66.6% giáo viên cảm thấy lúng túng trong việc xác định vai trò, trách nhiệm của người giáo viên trong học tập điện tử. Thực tế cho thấy, khi triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, vai trò của người giáo viên luôn được đề cao và nhấn mạnh. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có những văn bản qui định cụ thể về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kỹ năng đánh giá của người dạy trong đào tạo trực tuyến.

Thứ ba, việc soạn và đưa bài tập lên mạng làm giáo viên mất thời gian (50%). Khó khăn này theo giải thích của người dạy là do: trình độ công nghệ thông tin của giáo viên còn hạn chế hay đường truyền mạng kém.

3.2.2. Người học

Đối với người học, khi tham gia học tiếng Pháp tổng hợp trên Moodle, họ gặp những khó khăn chính sau:

TT	Khó khăn	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Không nhận được sự hỗ trợ tức thời từ giáo viên	76	80%
2	Người khác có thể gian lận kết quả đánh giá	59	62.1%
3	Sự cố kỹ thuật làm giảm hứng thú với học tập điện tử	21	22.1%
4	Trình độ tin học còn hạn chế	15	15.7%
5	Không có máy tính	11	11.5%
6	Không có kết nối Internet	8	08.4%

Thứ nhất, 80% sinh viên cảm thấy khó khăn khi tham gia học tập trên mạng nhưng không nhận được sự hỗ trợ tức thời từ giáo viên như ở trên lớp. Theo quan sát của chúng tôi, sự tương tác giữa sinh viên và giáo viên trên trang đào tạo trực tuyến Khoa Tiếng Pháp vẫn còn rất ít, dẫn đến việc sinh viên học trên mạng nhưng lại trao đổi với giáo viên trên lớp. Điều đáng nói là nội dung trao đổi giữa sinh viên và giáo viên chủ yếu xoay quanh các vấn đề liên quan đến các sai sót kỹ thuật trên mạng (66.3%) như: người học không truy cập được tài khoản cá nhân, bài tập không mở được, âm thanh bị lỗi, hình ảnh không hiển thị... Điều này cho thấy yếu tố tương tác giữa người dạy và người học trên hệ thống quản lý học tập Moodle-vốn được coi là điểm mạnh của phần mềm này vẫn chưa được khai thác triệt để.

Thứ hai, mặc dù đánh giá cao tính hiệu quả của cách đánh giá cho điểm tự động đang được áp dụng trên Moodle hiện nay, nhưng có đến 62.1% sinh viên cảm thấy không tin tưởng vào kết quả đánh giá học tập của các sinh viên khác vì cho rằng người học có thể gian lận bằng cách hỏi bài người khác hoặc nhờ người khác làm hộ bài.

Thứ ba, 22.1% sinh viên cho rằng sự cố kỹ thuật có thể khiến người học giảm hứng thú với việc học tập điện tử. Chẳng hạn, sinh viên đang làm bài thì gặp sự cố kỹ thuật bị mất hết dữ liệu buộc họ phải làm lại bài từ đầu.

Thứ tư, là các khó khăn liên quan đến khả năng sử dụng công nghệ, điều kiện tiếp cận công nghệ và kết nối Internet như: trình độ tin học còn hạn chế (15.7%), không có máy tính (11.5%), không có kết nối Internet (8.4%). Dù rằng theo số liệu điều tra, số sinh viên gặp khó khăn như trên là ít nhưng đây vẫn là những khó khăn đáng lưu ý. Thực vậy, theo Đinh Lư Giang [3, tr.691] ở Việt Nam hiện nay đa số sinh viên và học viên còn hạn chế khả năng sử dụng công nghệ và kết nối Internet. Do đó, học tập ngoại ngữ trực tuyến cần lưu ý đến những khó khăn

này tránh tạo nên bất bình đẳng, bất cập trong học tập điện tử

4. Đề xuất một số giải pháp nâng cao tính hiệu quả của việc ứng dụng Moodle trong dạy và học ngoại ngữ

Từ những thuận lợi và khó khăn trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng Moodle trong dạy học tiếng Pháp nói riêng và ngoại ngữ nói chung như sau.

4.1. Về phía người dạy

Thông tư số 12/2016/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng có quy định vai trò và nhiệm vụ của giáo viên trong đào tạo trực tuyến như sau: “Nhà giáo tham gia đào tạo qua mạng phải nắm vững kỹ năng dạy học qua mạng; có khả năng quản lý, định hướng, hướng dẫn và giải đáp người học qua phương thức đào tạo qua mạng; sử dụng thành thạo hệ thống quản lý học tập qua mạng và các phương tiện công nghệ thông tin theo yêu cầu của cơ sở đào tạo với vai trò một giảng viên và phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Khoản 1 Điều 77 Luật Giáo dục và các quy định có liên quan” [1, tr.70].

Như vậy để hoàn thành tốt vai trò của người quản lý học tập, định hướng và giải đáp người học qua mạng, người dạy không những phải có kiến thức về công nghệ thông tin, mà còn phải nắm vững phương pháp dạy học trực tuyến. Để làm được điều đó, người dạy cần chủ động trang bị và thường xuyên cập nhật những kiến thức về học tập điện tử, nắm bắt các xu thế đào tạo trực tuyến hiện đại trên thế giới và trong khu vực.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ của người dạy không chỉ giới hạn ở việc thiết kế bài giảng, bài tập trên mạng mà còn phải xây dựng và tham gia các diễn đàn để tăng cường thảo luận, trao đổi giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên với nhau, từ đó tạo ra môi trường học tập mang tính tương tác cao, phù hợp với đặc điểm của đào tạo ngoại ngữ.

Mặt khác, vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo trực tuyến cũng cần được chú ý với các yêu cầu như “am hiểu các hoạt động của đào tạo qua mạng, thực hiện hướng dẫn người học biết cách tham gia và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trước khi tổ chức các

khóa đào tạo qua mạng, theo dõi quản lý quá trình học tập của người học” [1, tr.71].

Về chính sách kiểm tra, đánh giá trên mạng, người dạy nên xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể tùy theo đặc điểm của môn học và hoàn cảnh thực tế làm sao để vừa đáp ứng với mô hình học tập truyền thống và vừa phù hợp với học tập điện tử. Kết quả đánh giá nên “kết hợp giữa đánh giá quá trình tham gia học tập và kiểm tra (trên lớp, trên mạng) với tỷ lệ/ hệ số điểm hợp lý” [4, tr.691]. Ngoài ra, để tạo sự công bằng trong kiểm tra, đánh giá cũng như tạo động lực học tập cho người học, người dạy nên kết hợp nhiều hình thức đánh giá như: đánh giá của người dạy, đánh giá giữa sinh viên với nhau và tự đánh giá.

4.2. Về phía người học

Đối với người học, sự chủ động, tích cực trong học tập là vô cùng quan trọng. Bên cạnh những giờ học trên lớp thì việc tự học qua mạng sẽ quyết định chất lượng học tập của chính bản thân họ. Giờ đây, người học không chỉ thu nạp, ghi nhớ thông tin mà còn phải biết cách phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin một cách hiệu quả. Việc duy trì ý thức kỷ luật và động cơ học tập càng có ý nghĩa hơn đối với loại hình học tập này. Do đó, trong học tập điện tử, người học cần:

- Có thái độ học tập nghiêm túc và phát huy tính tự giác trong học tập điện tử.

- Chủ động trao đổi với giáo viên trên lớp và trên mạng về kế hoạch và nội dung học tập, từ đó xây dựng cho mình phương pháp và kế hoạch học tập hợp lý.

- Có trách nhiệm đóng góp ý kiến về nội dung học tập trên mạng nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của đào tạo trực tuyến.

4.3. Về phía nhà quản lý

Đối với các nhà quản lý ở cấp lãnh đạo trường:

Thứ nhất, nhà trường cần có những văn bản quy định cụ thể về nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ tham gia triển khai và thực hiện công tác đào tạo trực tuyến bao gồm giáo viên và cán bộ kỹ thuật chuyên trách. Trong đó vai trò của cán bộ kỹ thuật quản trị mạng cần được chú trọng với các yêu cầu như “phải am hiểu các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến đào tạo qua mạng của cơ sở đào tạo; được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ để quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hoạt động ổn định” [1, tr.71].

Thứ hai, cần quy định nội dung học tập, hình thức học tập (học trực tuyến, học tập kết hợp), kiểm tra đánh

giá, kiểm định chất lượng đối với việc sử dụng Moodle trong đào tạo ngoại ngữ.

Thứ ba, hỗ trợ trang bị kiến thức công nghệ thông tin cho giáo viên bằng cách thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về đào tạo trực tuyến với các nội dung như: xây dựng bài giảng e-learning, phương pháp dạy học qua mạng, kiểm tra đánh giá trong đào tạo trực tuyến... Bên cạnh đó, có kế hoạch tổ chức các buổi hội thảo, các buổi trao đổi kinh nghiệm về quản lý, hỗ trợ học tập, kiểm tra đánh giá trên mạng giữa các cơ sở đào tạo đại học, giữa các khoa trong trường.

Thứ tư, nâng cấp hạ tầng cơ sở mạng đảm bảo hệ thống học tập trực tuyến hoạt động ổn định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và học tập trực tuyến.

Thứ năm, đầu tư xây dựng các phòng tự học cho sinh viên có trang bị vi tính nhằm đảm bảo sự công bằng cho sinh viên trong học tập điện tử.

Thứ sáu, cần xây dựng đào tạo trực tuyến trở thành một trong những mảng đào tạo chính của nhà trường, góp phần mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Song song với quá trình đó, nhà trường cần có những chính sách hợp lý về khen thưởng, chế độ thù lao, quy đổi giờ giảng trên mạng... để khuyến khích giáo viên tham gia tích cực hơn nữa vào hoạt động đào tạo trực tuyến. Vì xu hướng tin học hoá trong giáo dục cũng làm gia tăng thêm áp lực nghề nghiệp và khối lượng công việc cho giáo viên hơn là giúp tiết kiệm sức lao động của họ.

Đối với các nhà quản lý ở cấp lãnh đạo khoa:

Thứ nhất, thành lập nhóm chuyên môn phụ trách việc đánh giá, kiểm định chất lượng nội dung các môn học có ứng dụng học tập điện tử.

Thứ hai, đề xuất và tham mưu cho nhà trường trong việc xây dựng các qui định, chính sách về học tập điện tử phù hợp với tình hình đặc điểm của khoa.

Thứ ba, tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề cho giáo viên trong khoa nhằm chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ những khó khăn trong đào tạo trực tuyến. Bên cạnh đó, thường xuyên cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Thứ tư, đưa nội dung đào tạo trực tuyến vào đề cương chi tiết học phần để phổ biến cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ, giúp sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập. Mặt khác, tổ chức khảo sát, điều tra lấy ý kiến của người học về hoạt động đào tạo trực tuyến vào

cuối mỗi học kỳ, từ đó có những điều chỉnh kịp thời về nội dung học tập, phương pháp đánh giá và môi trường học tập điện tử.

Thứ năm, cần có những biện pháp để giảm thiểu tiêu cực trong kiểm tra đánh giá trên mạng như: sử dụng bộ đếm thời gian, đối chiếu kết quả học tập trên lớp và trên mạng, giáo viên thường xuyên theo dõi quá trình học tập trên mạng của sinh viên...

5. Kết luận

Có thể thấy rằng việc ứng dụng Moodle trong giảng dạy và học tập môn tiếng Pháp tổng hợp tại Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng dù mới chỉ triển khai trong thời gian ngắn và còn gặp nhiều khó khăn nhưng bước đầu cũng đã thu được những thành quả đáng khích lệ như: tạo hứng thú học tập môn tiếng Pháp, cho phép người học củng cố và nâng cao kiến thức đã học trên lớp, giúp người học có nhiều cơ hội hơn trong học tập cũng như nâng cao trình độ về công nghệ thông tin của mình, thúc đẩy khả năng tự học của sinh viên...

Hiện nay, với xu hướng phát triển của đào tạo đại học là lấy người học làm trung tâm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, thì việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ đào tạo như Moodle là không thể thiếu đối với các trường đại học tại Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh thời lượng giờ học trên lớp giảm xuống do áp dụng học chế tín chỉ thì việc ứng dụng Moodle trong giảng dạy và học tập là một điều hết sức cần thiết, góp phần đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Bài viết chỉ mới đưa ra những đánh giá ban đầu về hiệu quả sử dụng Moodle trong dạy và học ngoại ngữ tại một đơn vị cấp khoa. Để đưa ra những đánh giá chính xác và toàn diện hơn về tính hiệu quả của Moodle trong đào tạo ngoại ngữ, chúng tôi thiết nghĩ cần mở rộng phạm vi nghiên cứu đề tài ở nhiều khoa ngoại ngữ và

thực hiện những nghiên cứu tiếp theo về các yếu tố tác động đến chất lượng học tập điện tử như: phương pháp giảng dạy, chiến lược học tập, nội dung đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá...

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), “Thông tư số 12/2016/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng”.
- [2] Bùi Thanh Giang, Chu Toàn và Đào Quang Chiêu (2004), Các công nghệ đào tạo từ xa và học tập điện tử E-Learning, *NXB Bưu điện*.
- [3] Đinh Lư Giang (2014), “Ứng dụng Moodle trong hệ thống đào tạo giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập, Đại học Hà Nội*, tr.687-93.
- [4] Đinh Lư Giang, Nguyễn Văn Huệ (2008), “Một số kinh nghiệm về hình thức học tập kết hợp tại Khoa Việt Nam học”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ, ĐHKHXH và NV, TP HCM*.
- [5] Lê Đức Long - Trần Ngọc Bảo (2007), “Cấu trúc bài giảng qua mạng và thực nghiệm trong LMS nguồn mở Moodle”, *Hội thảo ELATE, Vũng Tàu*.
- [6] “Moodle – Open - Source Learning Platform| Moodle.org.”, <https://moodle.org/>.
- [7] Ngô Quang Sơn (2009), “Xây dựng website trong dạy học”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, tr.27-29.
- [8] Nguyễn Thị Thu Hiền (2011), “Nghiên cứu áp dụng phần mềm Moodle trong giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải Đại học Giao thông Vận tải, Hà Nội”.
- [9] Trần Khánh (2007), “Tổng quan về ứng dụng CNTT & TT trong giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục*, số 161, kỳ 2, tr.14-15.

MOODLE APPLICATION IN TEACHING AND LEARNING FRENCH AT UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES, THE UNIVERSITY OF DANANG: STATUS QUO AND SOLUTIONS

Abstract: Moodle is an open source learning system that facilitates the creation of online courses or online learning websites. Evaluated as an education-oriented design for educators, Moodle is becoming increasingly powerful through values that it offers as well as indispensable demands of the learning community. This article presents results from a survey on opinions given by teachers and learners of the French Department at University of Foreign Language Studies, the University of Da Nang about the status quo of using Moodle in both teaching and learning General French, thereby proposing solutions to enhance efficiency of Moodle application in teaching French and contribute to the improvement of foreign language training quality.

Key words: moodle; elearning; blended learning; French; foreign language; training.